Chi tiết mã HS 8532.10.00

Mã HS	8532.10.00
Mô tả hàng hóa	Tụ điện, loại có điện dung cố định, biến đổi hoặc điều chỉnh được (theo mức định trước) / - Tụ điện cố định được thiết kế dùng trong mạch có tần số 50/60 Hz và có giới hạn công suất phản kháng cho phép không dưới 0,5 kvar (tụ nguồn)
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	20/11/2026 06:18:32
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/85321000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K15718
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N15718
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q15718
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E15050
ATIGA	2022	2022	0	AT!E14982
ATIGA	2023	2023	0	AT!F14982
ATIGA	2024	2024	0	AT!G14982
ATIGA	2025	2025	0	AT!H14982
ATIGA	2026	2026	0	AT!I14982
ATIGA	2027	2027	0	AT!J14982
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E15036
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F15036
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G15036

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H15036
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I15036
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J15036
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E15037
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F15037
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G15037
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H15037
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I15037
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J15037
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F15040
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H14988
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F14996
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G14996
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H14996
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I14996
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J14996
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K14996
VKFTA	2022	2022	0	VK!E15036
VKFTA	2023	2023	0	VK!F15036
VKFTA	2024	2024	0	VK!G15036
VKFTA	2025	2025	0	VK!H15036
VKFTA	2026	2026	0	VK!I15036
VKFTA	2027	2027	0	VK!J15036
VCFTA	2022	2022	0	VC!D15091
VCFTA	2023	2023	0	VC!E15091
VCFTA	2024	2024	0	VC!F15091

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G15091
VCFTA	2026	2026	0	VC!H15091
VCFTA	2027	2027	0	VC!I15091
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D15070
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E15070
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F15070
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G15070
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H15070
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I15070
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D15068
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E15068
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F15068
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G15068
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H15068
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I15068
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D15074
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E15074
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F15074
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G15074
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H15074
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I15074
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D15073
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E15073
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F15073
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G15073
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H15073

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I15073
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D15066
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E15066
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F15066
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G15066
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H15066
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I15066
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J15066
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D15061
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E15061
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F15061
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G15061
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H15061
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I15061
RCEP B	2022	2022	0	B!D15061
RCEP B	2023	2023	0	B!E15061
RCEP B	2024	2024	0	B!F15061
RCEP B	2025	2025	0	B!G15061
RCEP B	2026	2026	0	B!H15061
RCEP B	2027	2027	0	B!I15061
RCEP C	2022	2022	0	C!D15061
RCEP C	2023	2023	0	C!E15061
RCEP C	2024	2024	0	C!F15061
RCEP C	2025	2025	0	C!G15061
RCEP C	2026	2026	0	C!H15061
RCEP C	2027	2027	0	C!I15061

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D15060
RCEP D	2023	2023	0	D!E15060
RCEP D	2024	2024	0	D!F15060
RCEP D	2025	2025	0	D!G15060
RCEP D	2026	2026	0	D!H15060
RCEP D	2027	2027	0	D!I15060
RCEP E	2022	2022	0	E!D15064
RCEP E	2023	2023	0	E!E15064
RCEP E	2024	2024	0	E!F15064
RCEP E	2025	2025	0	E!G15064
RCEP E	2026	2026	0	E!H15064
RCEP E	2027	2027	0	E!I15064
RCEP F	2022	2022	0	F!D15061
RCEP F	2023	2023	0	F!E15061
RCEP F	2024	2024	0	F!F15061
RCEP F	2025	2025	0	F!G15061
RCEP F	2026	2026	0	F!H15061
RCEP F	2027	2027	0	F!I15061
VIFTA	2024	2024	0	VI!F14032
VIFTA	2025	2025	0	VI!G14032
VIFTA	2026	2026	0	VI!H14032
VIFTA	2027	2027	0	VI!I14032

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8532.10.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8532.10.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N15718), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.